

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 411/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03/5/2019

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2- Ông Trần Văn Ho.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền -Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 423/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**; Sinh năm: 1980.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ tạm trú: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Trang Văn D**; Sinh năm: 1966.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường 28, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Trang Văn D chung sống với nhau vào năm 2002 do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 28, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D không lo làm ăn, thường xuyên bài bạc, rượu chè, qua lại với vợ cũ về NH kiếm chuyện đui đánh mẹ con bà ra khỏi NH nhiều lần. Sự bức xúc và dồn nén lâu ngày khiến bà không thể nào tiếp tục chung sống với ông D được nữa nên bà cùng con gái thuê trọ sống riêng từ năm 2018 đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông D để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông D có 01 con chung tên Trang Huyền T (sinh ngày 15/9/2008). Hiện nay trẻ T đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ T, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa, bà H xác định quá trình chung sống bà và ông D có một căn nhà tại địa chỉ xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trên phần đất thuộc thửa 49 tờ bản đồ số 78 xã V. Khi nộp đơn khởi kiện bà có yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung này. Tuy nhiên ngày 20/8/2018 bà có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống bà và ông D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trang Văn D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa nhưng đều vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H, giao trẻ Trang Huyền T (sinh ngày 15/9/2008) cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị H và ông Trang Văn D chung sống với nhau năm 2002, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 28, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn với ông D. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm

a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã thực hiện các thủ tục tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Trang Văn D. Tại phiên tòa hôm nay ông D vắng mặt. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông D là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1]. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 57/2007, Quyền số 01 đăng ký ngày 08/10/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường 28, quận B, THnh phố Hồ Chí Minh thể hiện hôn nhân giữa bà H và ông D là hợp pháp.

Ngày 08/10/2018 Ủy ban nhân dân xã V có Công văn số 3667/UBND xác định: Hiện nay bà Nguyễn Thị H và ông Trang Văn D không còn sống chung tại xã V. Bà H và ông D đã ly thân từ tháng 8 năm 2018, nguyên nhân do cả hai không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân. Hiện tại trẻ Trang Huyền T (sinh ngày 15/9/2008) đang sống với bà H.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông D vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà H, điều này cho thấy ông D không có thiện chí Hn gần, không muốn gia đình được đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Bà H, ông D có 01 con chung là trẻ Trang Huyền T (sinh ngày 15/9/2008). Bà H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, trẻ T cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó nghĩ giao trẻ T cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Phân cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Tại phiên tòa, bà H xác định quá trình chung sống bà và ông D có một căn nhà tại địa chỉ xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trên phần đất thuộc thửa 49 tờ bản đồ số 78 xã V. Khi nộp đơn khởi kiện bà có yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung này. Tuy nhiên ngày 20/8/2018 bà có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy việc rút yêu cầu này của bà H là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia đôi tài sản chung là căn nhà xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trên phần đất thuộc thửa 49 tờ bản đồ số 78 xã V. Bà H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2.4]. Về nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H với ông Trang Văn D. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trang Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2007, Quyền số 01 đăng ký ngày 08/10/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường 28, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Trang Huyền T (sinh ngày 15/9/2008) cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con bà H không có yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Ông D có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia đôi tài sản chung là xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trên phần đất thuộc thửa 49 tờ bản đồ số 78 xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được miễn trừ vào số tiền 11.300.000 đồng (Mười một triệu ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0031769 ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi Hành án Dân sự huyện Bình Chánh, THnh phố Hồ Chí Minh. Bà H còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)